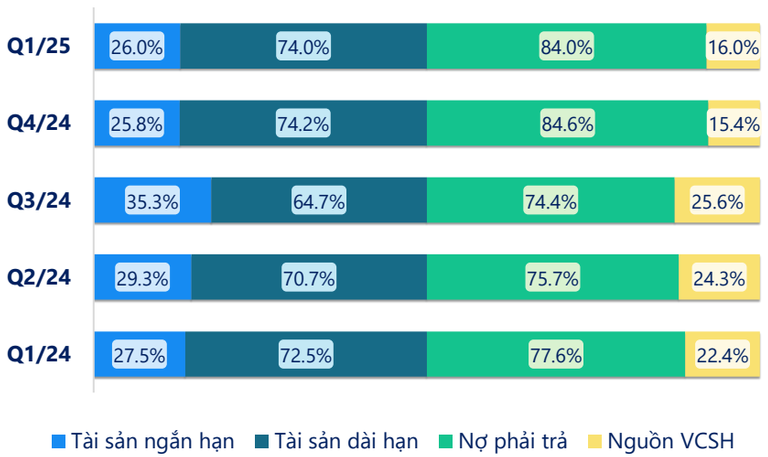
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	230,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	240,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	174,912
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,775
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,520
P/E	17.2
EPS	13,350

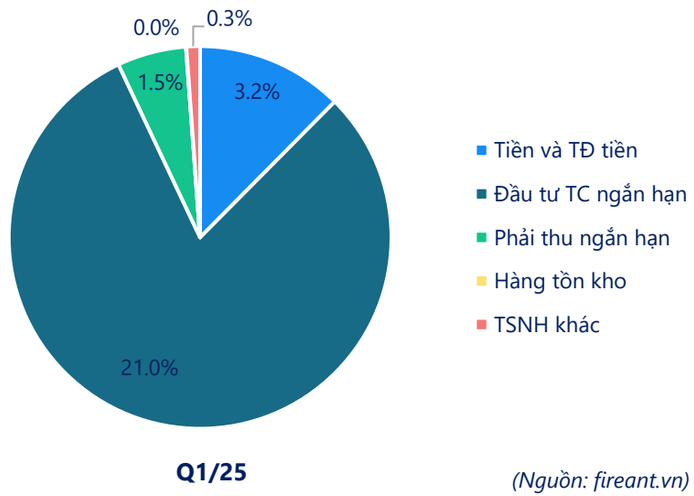
	YTD	1T	3T	6T
NTC	8.0%	-4.2%	7.0%	28.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



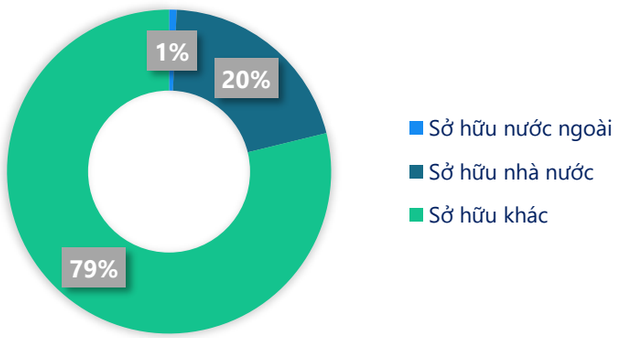
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



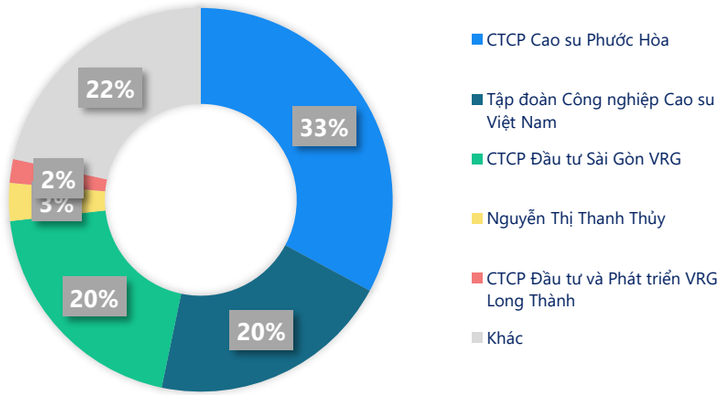
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



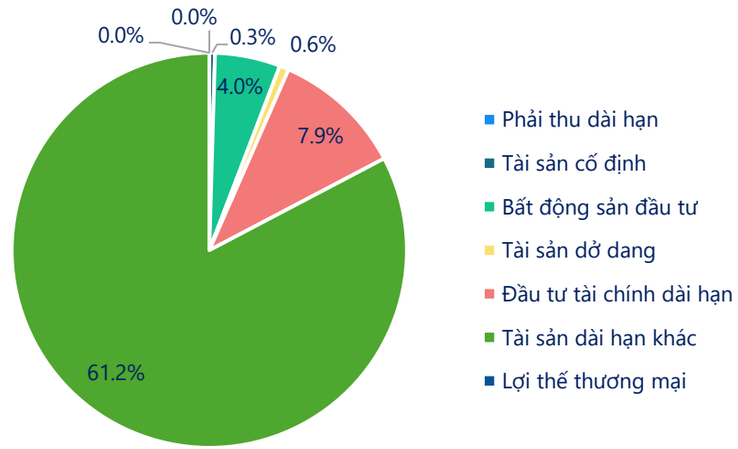
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

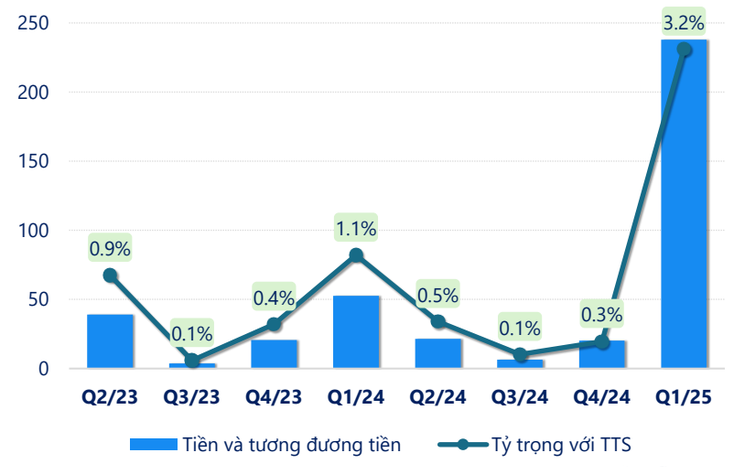


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

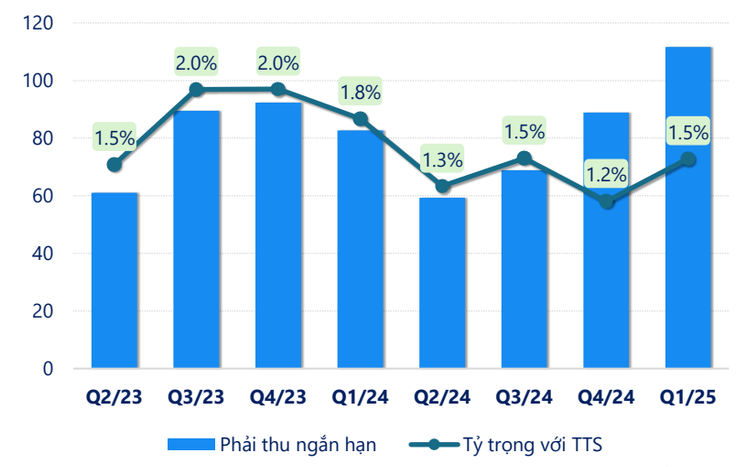
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



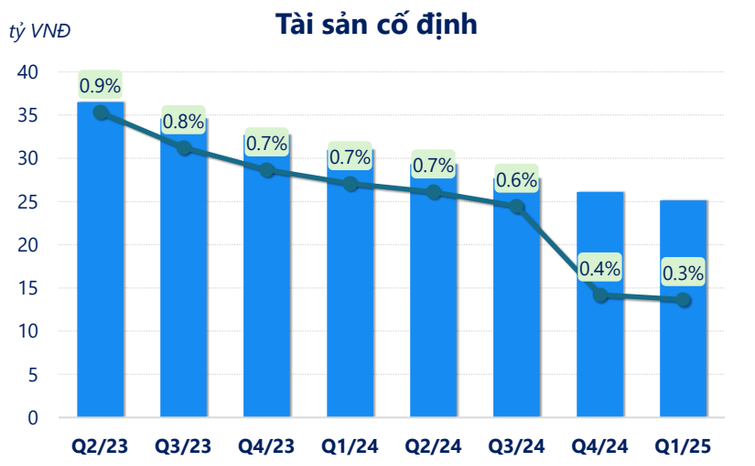
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



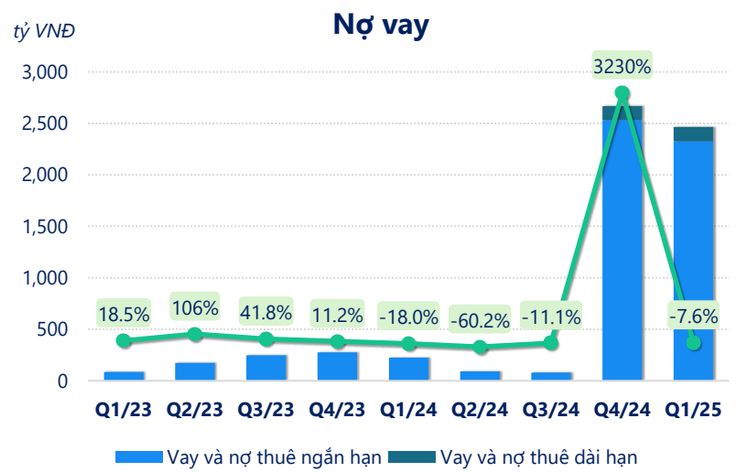
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



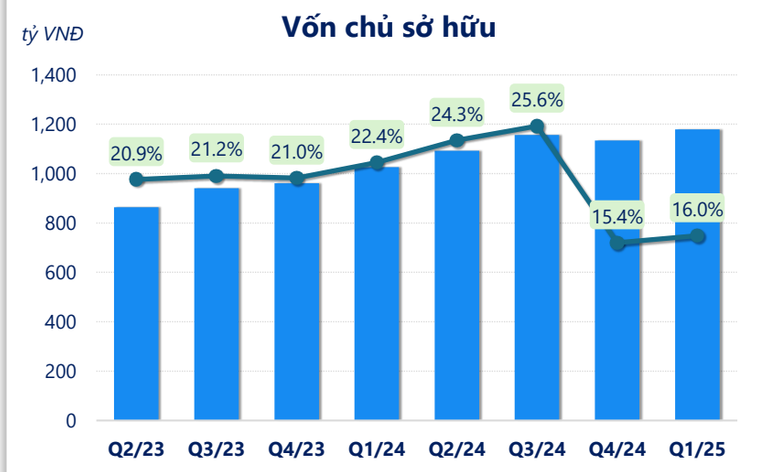
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

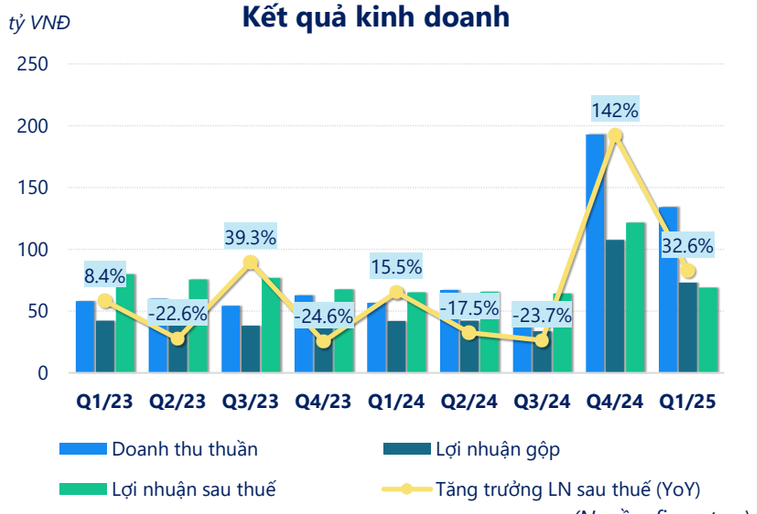


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

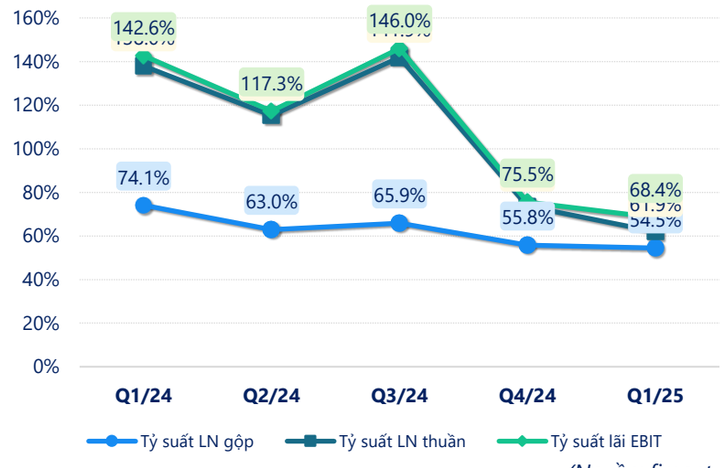
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

Kết quả kinh doanh



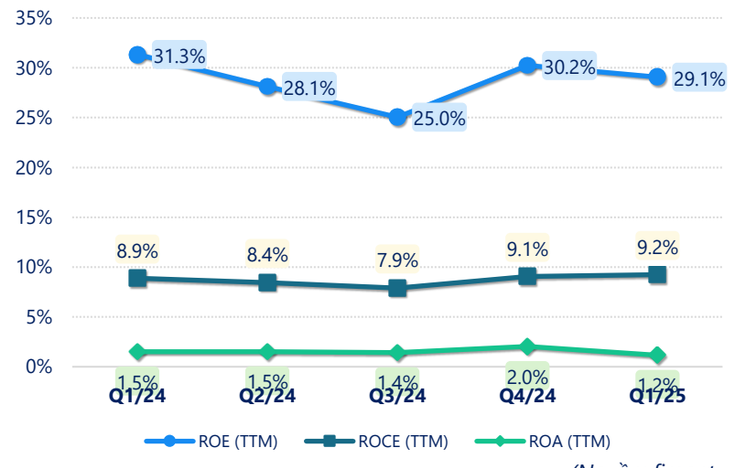
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



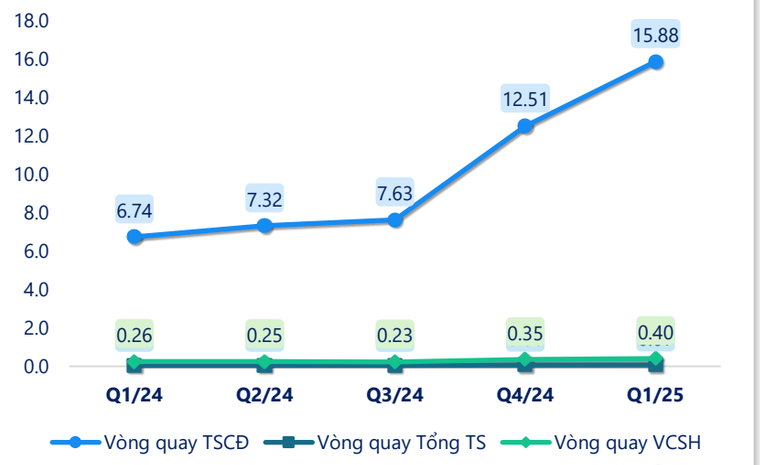
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



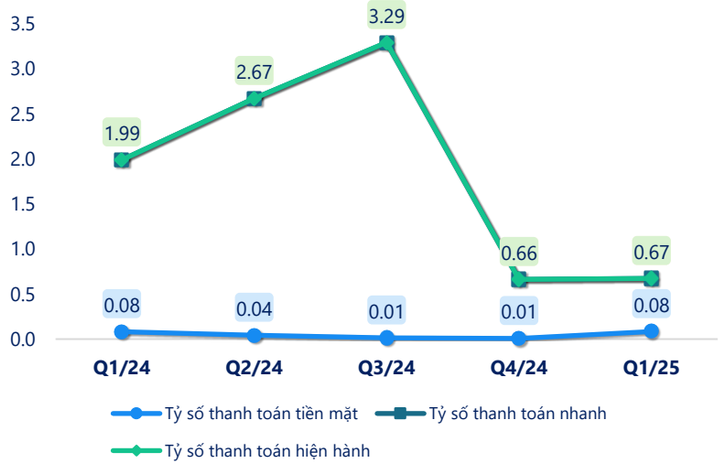
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



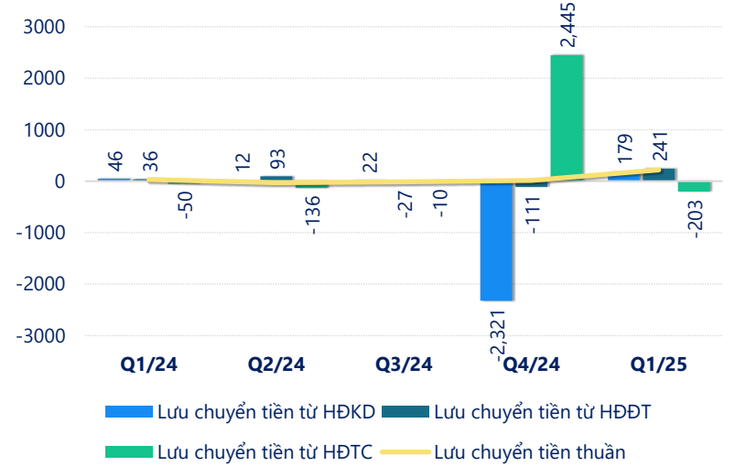
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,353**	**7,357**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,914	1,905	0.5%
Tiền và tương đương tiền	238	20.2	1077%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,542	1,779	-13.4%
Phải thu ngắn hạn	112	88.8	25.8%
Hàng tồn kho	0.70	0.79	-11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	22.0	15.7	40.0%
Tài sản dài hạn	**5,439**	**5,452**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	25.1	26.1	-3.8%
Bất động sản đầu tư	291	300	-2.8%
Tài sản dở dang	41.5	25.4	63.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	583	583	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**4,498**	**4,518**	**-0.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,173	6,246	-1.2%
Nợ ngắn hạn	**2,843**	**2,866**	**-0.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,327	2,530	-8.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.73	2.64	-72.2%
Nợ dài hạn	3,330	3,379	-1.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	138	138	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,180**	**1,111**	**6.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,180**	**1,111**	**6.2%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	56.7	67.0	51.2	193	134
Giá vốn hàng bán	14.7	24.8	17.5	85.4	61.1
Lợi nhuận gộp	42.0	42.2	33.8	108	73.0
Doanh thu HĐTC	43.7	47.2	48.6	59.1	22.3
Chi phí TC	2.71	1.51	1.03	3.41	6.38
Chi phí lãi vay	2.62	1.42	0.94	2.57	5.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.27	0.61	0.70	2.51	0.91
Chi phí QLDN	4.52	10.0	7.92	18.7	5.04
LN thuần từ HĐKD	78.3	77.2	72.7	142	83.0
Lợi nhuận khác	0	-0.03	1.16	0.98	3.25
LN trước thuế	78.3	77.2	73.9	143	86.3
Lợi nhuận sau thuế	65.2	65.7	64.2	122	69.0
LNST của CĐ cty mẹ	65.2	65.7	64.2	122	69.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.8	12.2	22.2	-2,321	179
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	36.0	92.7	-27.1	-111	241
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-49.7	-136	-10.0	2,445	-203
Tiền đầu kỳ	20.5	52.6	21.4	6.52	20.2
Lưu chuyển tiền thuần	**32.0**	**-31.2**	**-14.9**	**13.7**	**218**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	52.6	21.4	6.52	20.2	238

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic